TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 64/2024/QĐST-HNGĐ	*Thành phố H, ngày 25 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1048/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Trần Văn T, sinh năm 1998.

Địa chỉ: R T1, tổ dân phố M, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chị Thái Thị Ngọc H1, sinh năm 1998.

Địa chỉ: X K1, phường D, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Thái Thị Ngọc H1 tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 11/6/2021 tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H1 là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 01 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính tình không hợp nên thường xuyên cãi vã nhau. Từ giữa năm 2022, vợ chồng bắt đầu sống ly thân cho đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng anh T và chị H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa anh T và chị H1 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh T và chị H1.

[2] Về con chung: Anh Trần Văn T và chị Thái Thị Ngọc H1 có 01 con chung tên là Trần Văn Thái K, sinh ngày 19/7/2021. Hiện nay, cháu K đang ở với chị H1.

Nay ly hôn, anh Trần Văn T và chị Thái Thị Ngọc H1 thỏa thuận: Giao cháu Trần Văn Thái K cho chị H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi), anh T cấp dưỡng nuôi cháu Khang mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng/tháng) kể từ khi Quyết định của Tòa

án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu K đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Anh Trần Văn T và chị Thái Thị Ngọc H1 không có tài sản chung, không vay nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Thái Thị Ngọc H1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung Anh Trần Văn T và chị Thái Thị Ngọc H1 có 01 con chung là Trần Văn Thái K, sinh ngày 19/7/2021. Hiện nay, cháu K đang ở với chị H1.

Giao cháu Trần Văn Thái K cho chị H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi), anh Trần Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng 5.000.000 đồng kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu K đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Anh Trần Văn T và chị Thái Thị Ngọc H1 không có tài sản chung, không vay nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Văn T và chị Thái Thị Ngọc H1, mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001417 ngày 11/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh Trần Văn T, chị Thái Thị Ngọc H1 đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN

- Người yêu cầu;
- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- UBND P. D, thành phố H
(ĐKKH số 58, ngày 11/6/2021);
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

(đã ký)

Lê Văn Hạnh